

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

Số: 4.256/Số : 895/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2021

ĐẾN	Gửi	Ngày 1 tháng 3
	Chuyển	A. Hiep - G.B. Sở

QUYẾT ĐỊNH

Về phê duyệt Chương trình quản lý, phát triển cá sấu và động vật hoang dã trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021-2025

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; Nghị định số 64/2019/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi Điều 7 Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ;

Căn cứ Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp;

Căn cứ Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Căn cứ Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản;

Căn cứ Thông tư số 29/2019/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định xử lý động vật rừng là tang vật, vật chứng; động vật rừng do tổ chức, cá nhân tự nguyện giao nộp Nhà nước;

Căn cứ Chỉ thị số 29/CT-TTg ngày 23 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về một số giải pháp cấp bách quản lý động vật hoang dã;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 88/TTr-SNN ngày 14 tháng 01 năm 2021 về phê duyệt Chương trình quản lý, phát triển cá sấu và động vật hoang dã trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2025.

K/c BGĐ Sở,
PKHTC, PKHTN,
Giáo CCKL
tham mưu
KH2021.
19/3/2021
[Signature]

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình quản lý, phát triển cá sấu và động vật hoang dã trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2025 (*chương trình đính kèm*).

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với các Sở - ngành, Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức và Ủy ban nhân dân các quận, huyện có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai thực hiện Chương trình quản lý, phát triển cá sấu và động vật hoang dã trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2025.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Công an Thành phố, Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố, Cục trưởng Cục Quản lý thị trường Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận

- Như Điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND. TP;
- TTUB: CT, các PCT;
- VPUB: Các PVP;
- Phòng KT;
- Lưu: VT, (KT/Linh). 15

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Văn Hoan



CHƯƠNG TRÌNH

**Quản lý, phát triển cá sấu và động vật hoang dã trên địa bàn
Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2025**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 895 /QĐ-UBND
ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

I. SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ

1. Sự cần thiết

Chương trình quản lý, phát triển cá sấu và động vật hoang dã nhằm đề ra những giải pháp cụ thể tiếp tục nâng cao hơn nữa hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước về công tác gây nuôi và cứu hộ động vật hoang dã trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2025;

Tuyên truyền, phổ biến pháp luật, nâng cao nhận thức cho tổ chức, cá nhân có hoạt động gây nuôi động vật hoang dã, kinh doanh, chế biến sản phẩm của chúng nắm được các quy định của Nhà nước;

Nhằm tăng cường hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước của các cơ quan chức năng trong việc quản lý, truy xuất nguồn gốc động vật hoang dã, ngăn chặn và xử lý các hành vi mua bán, vận chuyển, chế biến, kinh doanh, cất giữ trái quy định của pháp luật;

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong công tác cứu hộ các loài động vật hoang dã. Trong đó, ưu tiên đối với các loài nguy cấp, quý hiếm và thả về tự nhiên.

Ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý, kiểm tra nguồn gốc động vật hoang dã và sản phẩm của chúng nhằm quản lý các trại nuôi và các cơ sở chế biến. Qua đó, tạo điều kiện để tổ chức, cá nhân thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Phát triển gây nuôi cá sấu, động vật hoang dã phải đảm bảo tính bền vững, bảo vệ môi trường, góp phần đảm bảo tính đa dạng sinh học, duy trì nguồn gen của động vật hoang dã gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, định hướng hoạt động gây nuôi theo đúng quy định của pháp luật, góp phần bảo vệ các loài động vật hoang dã trong tự nhiên.

2. Cơ sở pháp lý

Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật lâm nghiệp;

Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; Nghị định số 64/2019/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi Điều 7 Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ;

Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp;

Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản;

Thông tư số 29/2019/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định xử lý động vật rừng là tang vật, vật chứng; động vật rừng do tổ chức, cá nhân tự nguyện giao nộp Nhà nước;

Chỉ thị số 29/CT-TTg ngày 23 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về một số giải pháp cấp bách quản lý động vật hoang dã.

II. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu tổng quát

- Tăng cường hiệu lực quản lý Nhà nước, ngăn chặn tình trạng mua bán, tiêu thụ động vật rừng trái pháp luật trên địa bàn Thành phố; tạo điều kiện phát triển nghề nuôi cá sấu và động vật hoang dã hợp pháp, góp phần cải thiện đời sống người dân ngoại thành, nâng cao giá trị sản xuất nông nghiệp.

- Nâng cao hiệu quả trong việc tiếp nhận và cứu hộ động vật hoang dã do các tổ chức, cá nhân tự nguyện giao nộp trên địa bàn Thành phố.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

- Quản lý và kiểm soát chặt chẽ hoạt động gây nuôi động vật hoang dã đúng quy định của pháp luật; ngăn chặn và xử lý nghiêm mọi trường hợp lợi dụng gây nuôi để tiêu thụ động vật hoang dã có nguồn gốc không hợp pháp.

- Kiểm soát chặt chẽ dịch bệnh, điều kiện an toàn, bảo vệ môi trường trong hoạt động chăn nuôi, vận chuyển, giết mổ và kinh doanh các loài động vật hoang dã.

- Phát triển gây nuôi động vật hoang dã đúng quy hoạch, đúng quy định.

- Duy trì cơ sở nuôi cá sấu và nhân rộng cơ sở nuôi trăn, nâng cao chất lượng, đa dạng hóa sản phẩm tăng khả năng xuất khẩu sản phẩm chế biến; giảm dần tình trạng xuất nguyên liệu thô.

- Từng bước phát triển các cơ sở nuôi tập trung theo phương thức an toàn sinh học, giảm thiểu rủi ro về vệ sinh an toàn thực phẩm liên quan đến động vật hoang dã và vật nuôi.

- Phổ biến, nhân rộng các mô hình đem lại hiệu quả phù hợp tại địa phương và áp dụng các giải pháp gây nuôi, kiểm soát ngăn ngừa các vấn đề (ô nhiễm, lây nhiễm chéo...).

- Tiếp nhận các loài động vật hoang dã do tổ chức, cá nhân tự nguyện giao nộp, đưa vào cứu hộ và thả về môi trường tự nhiên.

2. Nhiệm vụ

- Tuyên truyền, phổ biến pháp luật, nâng cao nhận thức cho tổ chức, cá nhân có hoạt động gây nuôi động vật hoang dã, kinh doanh, chế biến sản phẩm của chúng nắm được các quy định của Nhà nước.

- Tập huấn các quy định của pháp luật cho các tổ chức, cá nhân có hoạt động gây nuôi động vật hoang dã, kinh doanh, chế biến sản phẩm của chúng; tổ chức học tập kinh nghiệm các mô hình gây nuôi thành công cá sấu và động vật hoang dã mang lại hiệu quả kinh tế cao.

- Tăng cường công tác kiểm tra và phối hợp với các cơ quan chức năng, chính quyền địa phương các cấp trong công tác quản lý, kiểm tra, truy xuất nguồn gốc động vật hoang dã và sản phẩm của chúng.

- Ứng dụng công nghệ thông tin, cập nhật cơ sở dữ liệu vào phần mềm quản lý các cơ sở gây nuôi cá sấu tích hợp vào cơ sở dữ liệu dùng chung của Thành phố.

- Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền đến các tổ chức, cá nhân tự nguyện giao nộp các loài động vật hoang dã không có nguồn gốc hợp pháp đưa vào cứu hộ và thả về môi trường tự nhiên.

III. CÁC GIẢI PHÁP

1. Giải pháp chung

Để thực hiện được các mục tiêu quản lý và cứu hộ động vật hoang dã từ nay đến năm 2025, cần tập trung thực hiện một số giải pháp sau:

- Đẩy mạnh công tác truyền truyền, phổ biến các quy định của pháp luật; hướng dẫn các tổ chức, cá nhân hoạt động gây nuôi cá sấu và động vật hoang dã chấp hành các quy định của pháp luật và các điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia ký kết.

- Tăng cường quản lý chặt chẽ các cơ sở gây nuôi, cơ sở chế biến kinh doanh, nhà hàng, quán ăn, cơ sở sản xuất sản phẩm thuộc da, bộ phận, dẫn xuất của động vật hoang dã.

- Tăng cường thực hiện các biện pháp chuyển hóa những điểm mua bán, cất giữ trái phép động vật hoang dã còn tồn tại trên địa bàn một số quận, huyện.

- Ứng dụng hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu để quản lý các trại nuôi động vật hoang dã và các cơ sở chế biến sản phẩm của chúng.

- Cải tiến phương pháp quản lý, cập nhật thông kê kịp thời các cơ sở gây nuôi, số lượng chủng loài; thực hiện nghiêm chế độ báo cáo tình hình biến động tăng, giảm đàn của từng cơ sở gây nuôi, chế biến theo quy định.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát cơ sở nuôi thực hiện các phương án bảo đảm an toàn, bảo vệ môi trường trong hoạt động gây nuôi, vận chuyển đối với động vật hoang dã theo quy định của pháp luật.

- Nâng cao năng lực đối với cán bộ quản lý tại cơ sở, nắm vững kiến thức pháp luật, quản lý chuồng trại, kỹ thuật gây nuôi, xử lý dịch bệnh và ô nhiễm môi trường.

- Phối hợp với các cơ quan chức năng và chính quyền địa phương tăng cường công tác thông tin tuyên truyền vận động tổ chức, cá nhân tự nguyện giao nộp động vật hoang dã không có nguồn gốc hợp pháp đưa vào cứu hộ và thả về môi trường tự nhiên.

2. Giải pháp cụ thể

2.1. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật

- Mục đích: Nhằm tạo điều kiện nâng cao nhận thức, định hướng các tổ chức, cá nhân gây nuôi động vật hoang dã và chế biến sản phẩm của chúng chấp hành các quy định của pháp luật và phát triển bền vững.

- Đối tượng tuyên truyền: Gồm các tổ chức, cá nhân có hoạt động gây nuôi động vật hoang dã và chế biến sản phẩm của chúng.

- Nội dung tuyên truyền: Phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến việc nuôi động vật hoang dã và chế biến sản phẩm của chúng.

- Hình thức, phương pháp thực hiện: Cung cấp tài liệu, văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực hoạt động trong nuôi động vật hoang dã và chế biến sản phẩm của chúng kết hợp hoạt động kiểm tra để phát triển nội dung tuyên truyền đến từng tổ chức, cá nhân có liên quan.

2.2. Phức tra cập nhật dữ liệu thông tin cơ sở gây nuôi, các cơ sở chế biến sản xuất có sử dụng nguyên liệu từ động vật hoang dã

- Mục đích: Nhằm quản lý, truy xuất thông tin dữ liệu về đối tượng quản lý, phục vụ cho lập kế hoạch kiểm tra, thực hiện công tác quản lý xác nhận nguồn gốc động vật hoang dã; ngăn chặn hành vi sử dụng động vật hoang dã, bộ phận của chúng không có nguồn gốc hợp pháp.

- Nội dung và phương thức thực hiện:

- + Xây dựng đề cương, phương án, lập biểu điều tra khảo sát.

- + Lập kế hoạch và tổ chức phối hợp điều tra khảo sát, thu thập thông tin đối tượng quản lý, tổng hợp thống kê, nhập dữ liệu.

2.3. Tổ chức phối hợp kiểm tra, kiểm soát các điểm mua bán động vật hoang dã trái phép

- Mục đích: Nhằm xóa bỏ các điểm mua bán, cất giữ trái phép động vật hoang dã trên địa bàn Thành phố Thủ Đức và các quận, huyện

- Nội dung và phương thức thực hiện:

- + Hàng năm, sử dụng nguồn dữ liệu kết hợp kết quả trình sát để xác định địa bàn trọng điểm, lên danh sách cơ sở gây nuôi động vật hoang dã, chế biến sản phẩm có sử dụng nguyên liệu từ động vật hoang dã, các điểm nóng mua bán, cất giữ trái phép động vật hoang dã.

- + Lập kế hoạch phối hợp, tổ chức lực lượng liên ngành gồm đại diện các cơ quan chức năng địa phương tiến hành kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý, bảo vệ động vật hoang dã tại các cơ sở gây nuôi, nhà hàng, quán ăn, cơ sở sản xuất sản phẩm da, thuốc đông dược; truy quét, xóa các điểm mua bán, cất giữ trái phép động vật hoang dã trên địa bàn các quận, huyện.

- Cơ quan phối hợp thực hiện: Chi cục Kiểm lâm, Công an, Quản lý thị trường, Phòng Kinh tế Thành phố Thủ Đức và các quận, huyện.

2.4. Tổ chức tập huấn, học tập kinh nghiệm gây nuôi

- Mục đích: Giúp các tổ chức, cá nhân nuôi cá sấu và động vật hoang dã có điều kiện tiếp cận với quy trình kỹ thuật chăn nuôi mới; học tập, trao đổi kinh nghiệm, kiến thức kỹ thuật, nâng cao hiệu quả trong chăn nuôi.

- Nội dung: Tập huấn, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến việc gây nuôi động vật hoang dã và chế biến sản phẩm của chúng.

- + Tổ chức tham quan học tập trao đổi kinh nghiệm giữa chủ cơ sở nuôi Thành phố và chủ cơ sở nuôi các tỉnh có mô hình gây nuôi thành công động vật hoang dã.

2.5. Đầu tư phục vụ công tác cứu hộ động vật hoang dã

- Mục đích: Xử lý nước thải, chất thải từ các chuồng nuôi động vật hoang dã; mua sắm trang thiết bị phòng khám, chữa bệnh nhằm phòng ngừa dịch bệnh và chăm sóc sức khỏe thú y cho thú trong thời gian cứu hộ; lắp đặt camera an ninh theo dõi, giám sát khu vực nuôi động vật hoang dã.

- Nội dung: Xây mới hệ thống xử lý nước thải theo công nghệ hiện đại và mua sắm trang thiết bị y tế phục vụ công tác cứu hộ.

2.6. Mua sắm trang thiết bị văn phòng cho công tác quản lý Nhà nước về gây nuôi và cứu hộ động vật hoang dã

- Mục đích: Nhằm tạo điều kiện thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Trạm Cứu hộ động vật hoang dã thuộc Chi cục Kiểm lâm, góp phần nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý đối với hoạt động gây nuôi và cứu hộ động vật hoang dã.

- Nội dung: Mua sắm các trang thiết bị phục vụ công tác quản lý các cơ sở dữ liệu và cứu hộ động vật hoang dã.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN: (Phụ lục đính kèm)

1. Tổng dự toán: 3.694.050.000 đồng. (Ba tỷ sáu trăm chín mươi bốn triệu, không trăm năm mươi nghìn) trong đó:

- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến pháp luật: 515.000.000 đồng;
- Phúc tra, cập nhật dữ liệu thông tin cơ sở gây nuôi, các cơ sở chế biến sản xuất có sử dụng nguyên liệu từ động vật hoang dã: 152.850.000 đồng;
- Tổ chức phối hợp kiểm tra, kiểm soát các điểm mua bán động vật hoang dã trái phép: 744.000.000 đồng;
- Tổ chức tập huấn, học tập kinh nghiệm gây nuôi: 566.200.000 đồng;
- Đầu tư phục vụ công tác cứu hộ động vật hoang dã: 1.636.000.000 đồng;
- Mua sắm trang thiết bị văn phòng cho công tác quản lý Nhà nước về gây nuôi và cứu hộ động vật hoang dã: 1.636.000.000 đồng;
- Mua sắm trang thiết bị văn phòng cho công tác quản lý Nhà nước về gây nuôi và cứu hộ động vật hoang dã: 80.000.000 đồng.

2. Nguồn kinh phí: Ngân sách Thành phố và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định.

3. Phân kỳ thực hiện:

- Năm 2021 : 2.131.550.000 đồng;
- Năm 2022 : 370.700.000 đồng;
- Năm 2023 : 430.550.000 đồng;
- Năm 2024: 370.700.000 đồng;
- Năm 2025: 390.550.000 đồng;

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với các Sở, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức và Ủy ban nhân dân các quận, huyện tổ chức triển khai thực hiện Chương trình này, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện hàng năm; chỉ đạo Chi cục Kiểm lâm hàng năm xây dựng kế hoạch cụ thể, trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt để triển khai thực hiện.

2. Công an Thành phố chỉ đạo các phòng chức năng tăng cường phối hợp lực lượng Kiểm lâm tổ chức kiểm tra, truy quét, chuyển hóa những điểm mua bán trái phép động vật hoang dã.

3. Giao Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố bố trí dự toán kinh phí để triển khai thực hiện Quyết định này theo quy định.

4. Sở Thông tin và Truyền thông, các cơ quan báo, đài của Thành phố phối hợp với Chi cục Kiểm lâm xây dựng các chương trình tuyên truyền nâng cao nhận thức cho các tổ chức, cá nhân về chủ trương, chính sách của Nhà nước trong việc quản lý gây nuôi động vật hoang dã và chế biến sản phẩm của chúng.

5. Cục Hải quan Thành phố phối hợp Chi cục Kiểm lâm tổ chức kiểm tra, kiểm soát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu qua cửa khẩu, bến cảng, để phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm các quy định về nhập khẩu, xuất khẩu đối với động vật hoang dã và chế biến sản phẩm của chúng.

6. Cục Quản lý thị trường Thành phố tăng cường phối hợp lực lượng Kiểm lâm tổ chức kiểm tra, truy quét, chuyển hóa những điểm mua trái phép động vật hoang dã.

7. Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức, Ủy ban nhân dân các quận, huyện chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, Ủy ban nhân dân các phường, xã, thị trấn phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi cục Kiểm lâm) thực hiện công tác quản lý Nhà nước theo sự phân công, phân cấp của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan chức năng, chính quyền cấp quận, huyện có liên quan báo cáo về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, giải quyết./.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ



PHỤ LỤC

DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ

PHÁT TRIỂN CÁ SÁU VÀ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

theo Quyết định số 895 /QĐ-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Stt	Nội dung	Sản phẩm	Chi phí bình quân năm			Thời gian thực hiện (số năm/số lần)	Tổng chi phí	Phân kỳ kinh phí thực hiện				
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền			2021	2022	2023	2024	2025
	TỔNG CỘNG (A) + (B)						3,694,050	2,131,550	370,700	430,550	370,700	390,550
A	NHÓM NÂNG CAO NĂNG LỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC						1,978,050	455,550	370,700	390,550	370,700	390,550
I	Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật.				103,000	5	515,000	103,000	103,000	103,000	103,000	103,000
1	Photo tài liệu văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý và bảo vệ động vật hoang dã	bộ	150	20	3,000							
2	Xây dựng phóng sự chuyên đề: bảo vệ môi trường, đảm bảo an toàn chuồng trại, hiệu quả kinh tế các cơ sở gây nuôi; công tác cứu hộ động vật hoang dã	phóng sự	2	50,000	100,000							
II	Phúc tra, cập nhật dữ liệu thông tin cơ sở gây nuôi, chế biến, sản xuất có sử dụng nguyên liệu từ động vật hoang dã.				50,950	3	152,850	50,950	0	50,950	0	50,950
1	Phúc tra cập nhật dữ liệu hàng năm				50,950	3	152,850	50,950		50,950		50,950
-	Xây dựng đề cương, phương án, lập mẫu phiếu điều tra thông kê được duyệt	phương án	1	5,000	5,000							
-	Chi cho đối tượng cung cấp thông tin, tự điền phiếu điều tra	cơ sở	150	70	10,500							
-	Nhiên liệu phương tiện đi lại các quận huyện. (20 lít x 02 ngày x 24 quận, huyện = 960 lít)	lít	960	20	19,200							

Stt	Nội dung	Sản phẩm	Chi phí bình quân năm			Thời gian thực hiện (số năm/số lần)	Tổng chi phí	Phân kỳ kinh phí thực hiện				
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền			2021	2022	2023	2024	2025
-	Công tác phí cán bộ thuộc các cơ quan phối hợp điều tra, phúc tra (150 phiếu; 01 ngày phúc tra 04 phiếu x 02 người)	công	75	130	9,750							
-	Nhập dữ liệu vào phần mềm quản lý	phiếu	150	10	1,500							
-	Lập báo cáo kết quả phúc tra	báo cáo	1	5,000	5,000							
III	Tổ chức phối hợp kiểm tra, kiểm soát các điểm mua bán động vật hoang dã trái phép.				148,800	5	744,000	148,800	148,800	148,800	148,800	148,800
1	Nước uống hợp các đơn vị trong lực lượng phối hợp triển khai kế hoạch kiểm tra, truy quét (24 quận, huyện x 10 người/lần = 240 người)	buổi	240	20	4,800							
2	Nhiên liệu phương tiện các lực lượng phối hợp (20 lít x 3 xe x 2 ngày x 24 quận, huyện = 2880 lít)	lít	2,880	20	57,600							
3	Công tác phí cho lực lượng phối hợp (12 công/lần x 2 ngày x 24 quận, huyện = 480 công)	công	576	150	86,400							
IV	Tổ chức tập huấn, học tập kinh nghiệm gây nuôi.				87,800	5	566,200	152,800	118,900	87,800	118,900	87,800
1	Tổ chức tập huấn				53,900	5	269,500	53,900	53,900	53,900	53,900	53,900
-	Thuê hội trường, trang thiết bị	ngày	1	10,000	10,000							
-	Thù lao báo cáo viên	buổi	2	1,200	2,400							
-	Phô tô tài liệu tập huấn	bộ	150	30	4,500							
-	Văn phòng phẩm, bút, tập, bìa hồ sơ	bộ	50	20	1,000							
-	Chi giải khát giữa giờ	ngày	150	40	6,000							
-	Hỗ trợ tiền ăn tham gia tập huấn cho những người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước	người	150	150	22,500							

Stt	Nội dung	Sản phẩm	Chi phí bình quân năm			Thời gian thực hiện (số năm/số lần)	Tổng chi phí	Phân kỳ kinh phí thực hiện				
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền			2021	2022	2023	2024	2025
-	Hỗ trợ chi phí đi lại cho những người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước	người	150	50	7,500							
2	Tổ chức học tập kinh nghiệm các mô hình gây nuôi có hiệu quả (số người: 15 người/03 ngày)				33,900	3	101,700	33,900	0	33,900	0	33,900
-	Hỗ trợ người báo cáo mô hình trại nuôi (1 người/trại x 3 trại = 3 người)	người	3	500	1,500							
-	Hỗ trợ người hướng dẫn tham quan mô hình (01 người/trại x 3 trại = 03 người)	người	3	300	900							
-	Thuê phương tiện	ngày	3	4,000	12,000							
-	Thuê phòng nghỉ (01 phòng/ngày/02 người; 15 người/08 phòng/ngày x 02 ngày)	phòng	16	700	10,500							
-	Chi công tác phí (phụ cấp lưu trú) (200.000đ/ngày/người x 3 ngày = 600.000đ/người)	người	15	600	9,000							
3	Tổ chức học tập kinh nghiệm cứu hộ động vật hoang dã tại Vườn Quốc Gia Cúc Phương và Sóc Sơn - Hà Nội (đoàn học tập: 10 người; 07 ngày)				65,000	3	195,000	65,000	65,000	0	65,000	0
-	Mua vé tàu hỏa	02 lượt	10	3,000	30,000							
-	Thuê phòng nghỉ (01 phòng/ngày/02 người; 10 người/05 phòng/ngày/đêm x 04 ngày/đêm)	phòng	20	700	14,000							
-	Chi công tác phí (phụ cấp lưu trú) (200.000đ/ngày/người x 07 ngày = 1.400.000đ/người)	người	10	1,400	21,000							
B	NHÓM ĐẦU TƯ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN						1,716,000	1,676,000	0	40,000	0	0

Stt	Nội dung	Sản phẩm	Chi phí bình quân năm			Thời gian thực hiện (số năm/số lần)	Tổng chi phí	Phân kỳ kinh phí thực hiện				
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền			2021	2022	2023	2024	2025
I	Đầu tư phục vụ công tác cứu hộ động vật hoang dã.						1,636,000	1,636,000	0	0	0	0
1	Làm mới hệ thống xử lý nước thải khu chăm sóc, cứu hộ động vật hoang dã Bộ phận chăm sóc, cứu hộ tại Cù Chi có diện tích 4.000 m ²	HT	1	1,350,000	1,313,000	1	1,313,000	1,313,000	0	0	0	0
2	Trang thiết bị phòng khám, chữa bệnh động vật hoang dã				267,000	1	267,000	267,000	0	0	0	0
-	Máy điều hòa phòng khám	cái	1	20,000	20,000							
-	Máy trợ thở BIPAP. FLOTON S20	cái	1	35,000	35,000							
-	Máy siêu âm màu Zoncare ZONC-Q5	cái	1	187,000	187,000							
-	Đèn mổ 4 bóng L734-II	cái	1	10,000	10,000							
-	Dụng cụ y khoa cho phòng khám	bộ	1	15,000	15,000							
3	Lắp đặt hệ thống camera an ninh giám sát khu nuôi, chăm sóc động vật hoang dã				56,000	1	56,000	50,000	0	0	0	0
-	Mua camera an ninh	cái	12	1,500	18,000							
-	Màn hình theo dõi	cái	1	10,000	10,000							
-	Đầu ghi	cái	1	18,000	18,000							
-	Bộ nguồn và phụ kiện đi kèm	Bộ	1	10,000	10,000							
II	Mua sắm trang thiết bị văn phòng cho công tác quản lý nhà nước về gây nuôi và cứu hộ động vật hoang dã				80,000	1	80,000	40,000		40,000		
	Máy tính để bàn	bộ	2	15,000	30,000							
	Máy Scan	cái	2	15,000	30,000							
	Máy in	cái	2	10,000	20,000							

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ